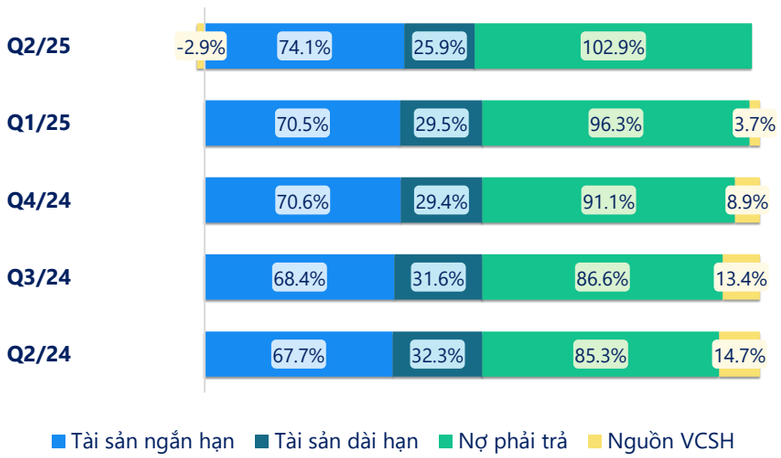
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	182,585
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	-0.2
EPS	-7,344

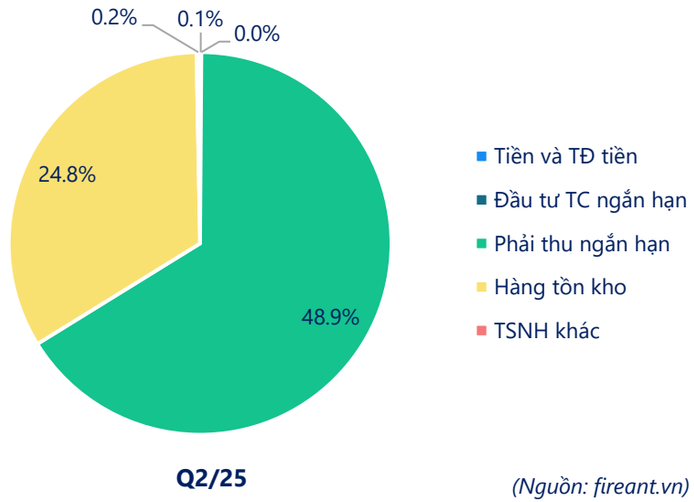
	YTD	1T	3T	6T
DFF	-33.3%	-7.7%	-33.3%	-29.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



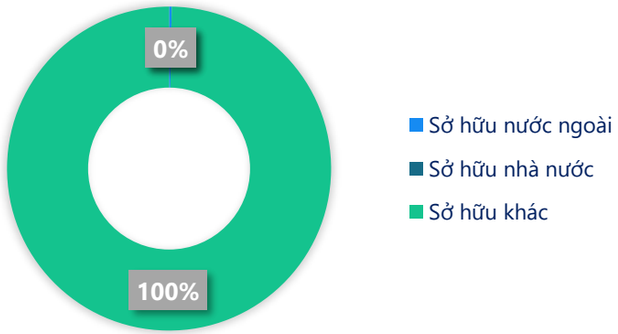
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



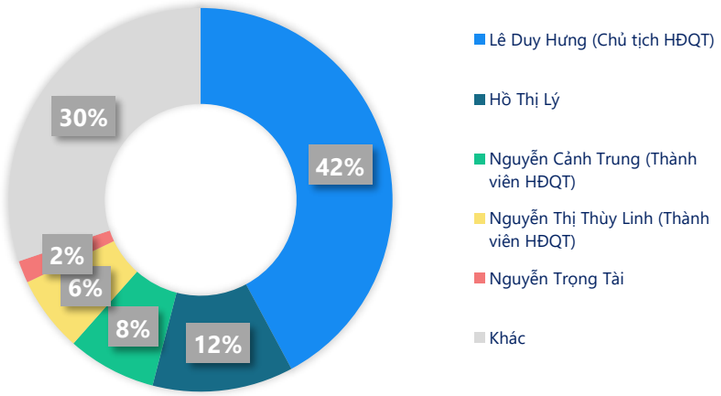
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



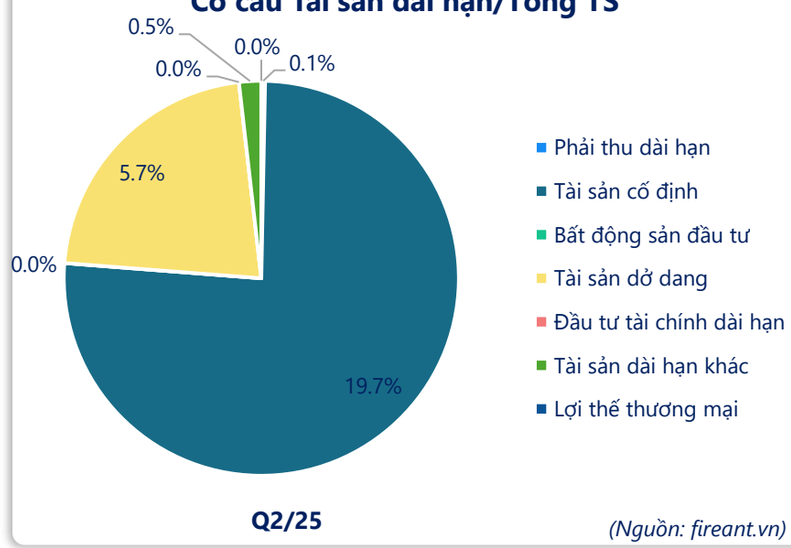
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

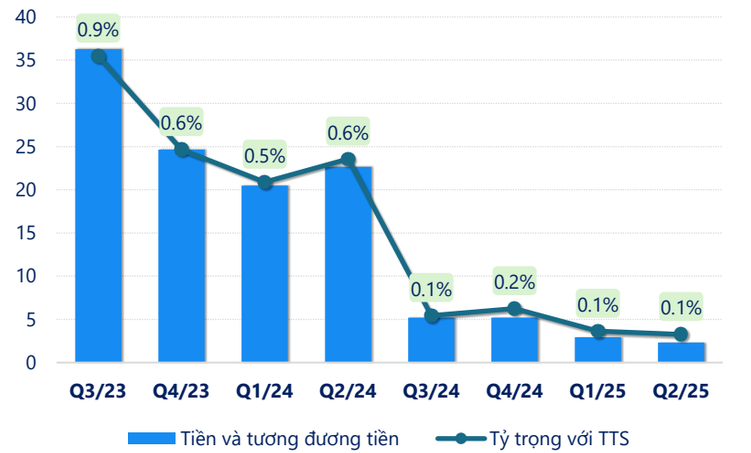


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

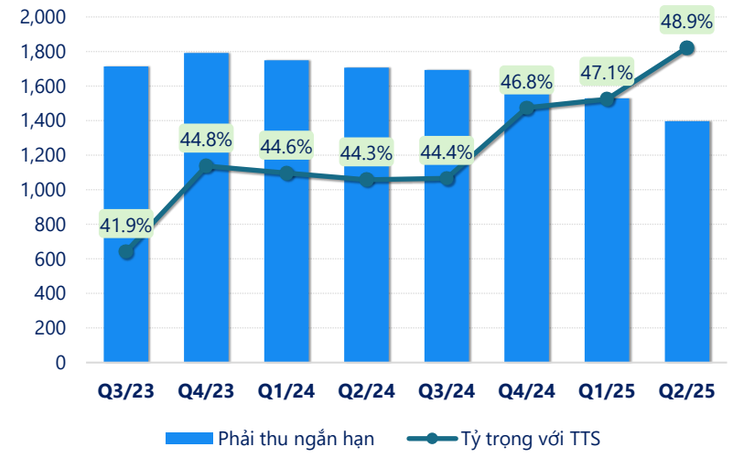
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Tiền và tương đương tiền



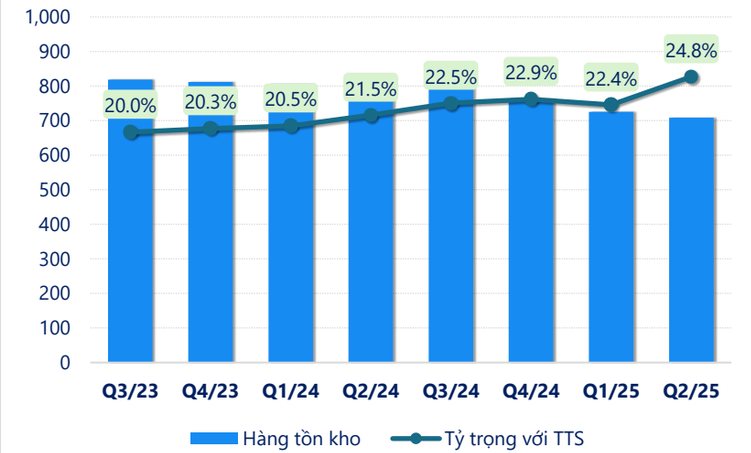
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



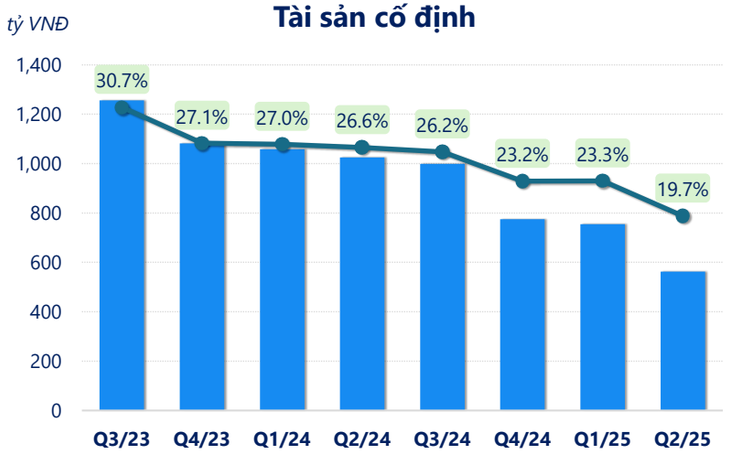
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



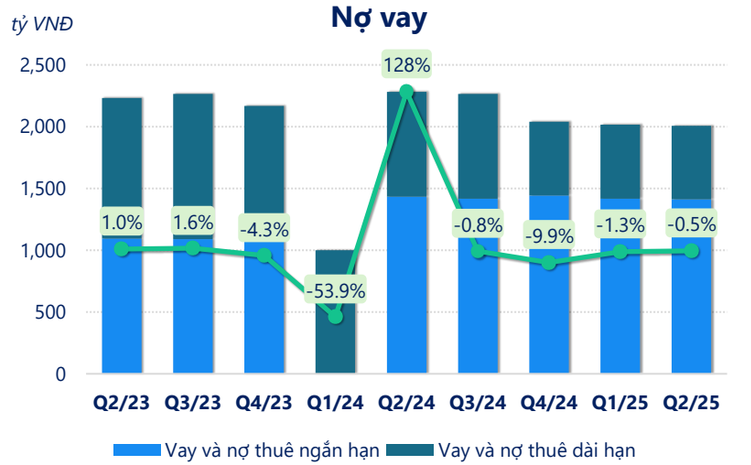
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



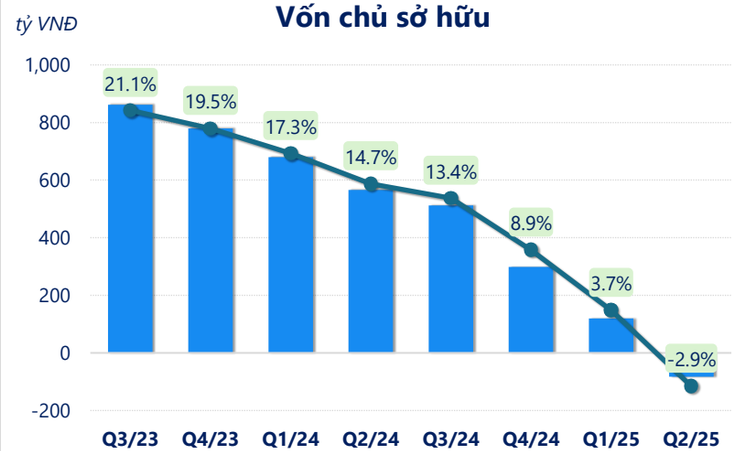
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

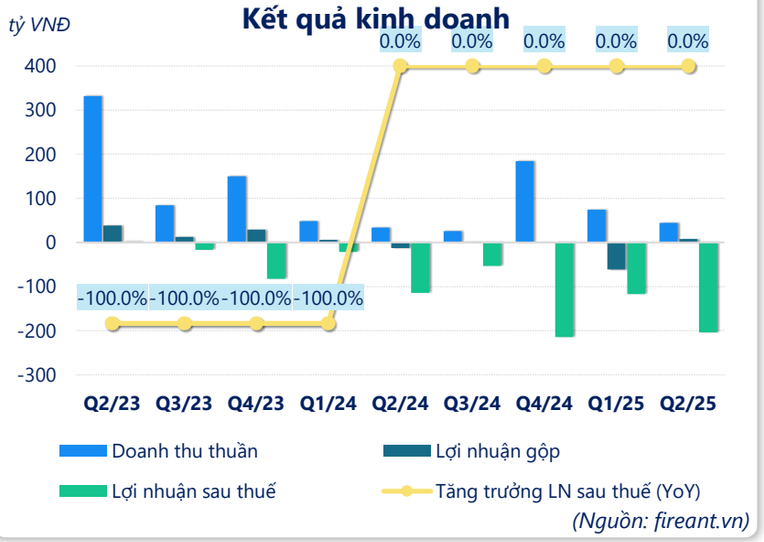


(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

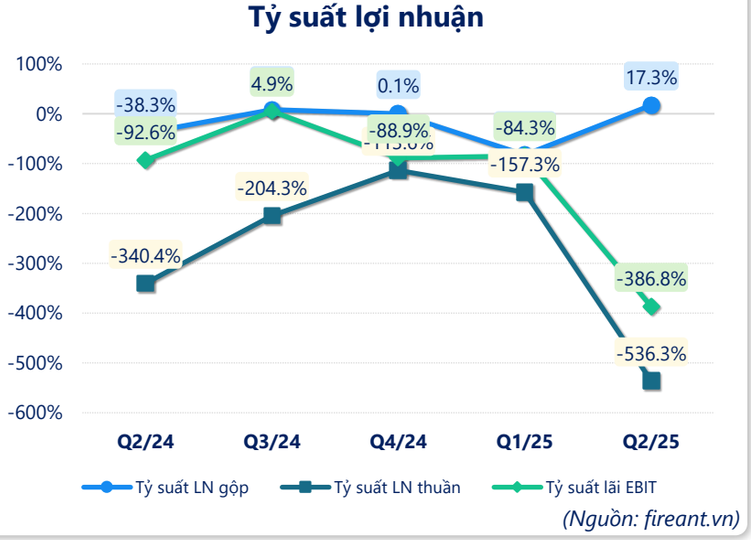
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Kết quả kinh doanh



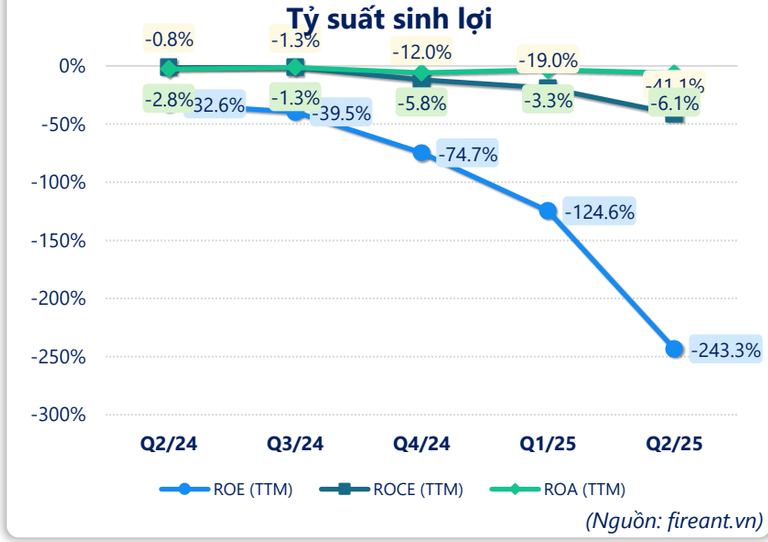
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



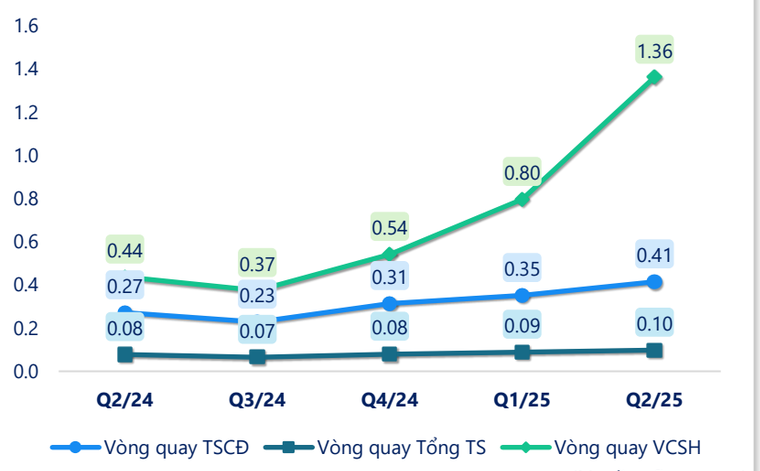
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



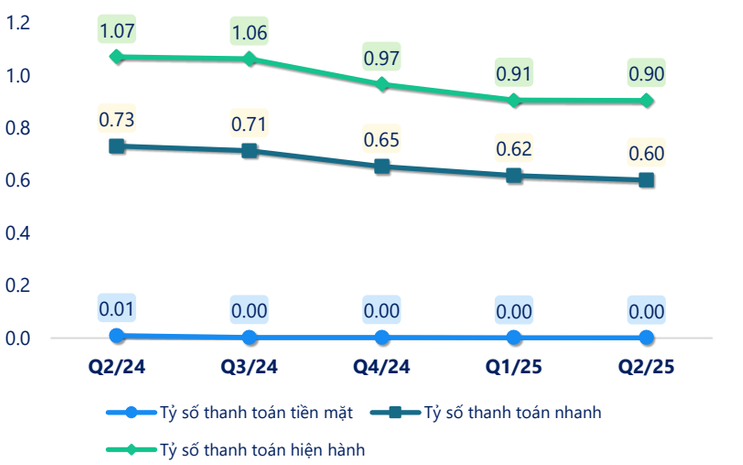
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



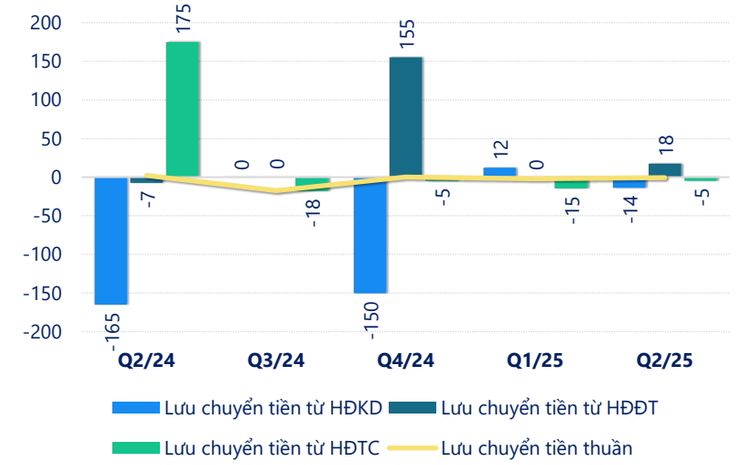
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,854**	**3,291**	**-13.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,113	2,311	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	2.32	5.21	-55.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,397	1,523	-8.3%
Hàng tồn kho	708	757	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.44	25.6	-74.9%
Tài sản dài hạn	**741**	**980**	**-24.4%**
Phải thu dài hạn	2.29	28.3	-91.9%
Tài sản cố định	562	775	-27.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	163	162	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**13.4**	**15.1**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0.03	0.03	-3.3%
Nợ phải trả	2,936	3,053	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**2,338**	**2,455**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,411	1,431	-1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	297	519	-42.8%
Nợ dài hạn	599	599	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	595	598	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-82.3**	**238**	**-135%**
Vốn chủ sở hữu	**-82.3**	**238**	**-135%**
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	33.5	25.8	184	74.5	44.2
Giá vốn hàng bán	46.3	23.7	184	136	36.6
Lợi nhuận gộp	-12.8	2.08	0.12	-61.4	7.65
Doanh thu HĐTC	4.29	2.91	0.85	0.00	0.02
Chi phí TC	102	54.2	52.9	54.1	242
Chi phí lãi vay	82.9	54.2	50.3	54.1	32.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.42	3.51	158	1.73	2.92
LN thuần từ HĐKD	-114	-52.8	-209	-117	-237
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.21	-4.73	0.28	33.6
LN trước thuế	-114	-53.0	-214	-117	-203
Lợi nhuận sau thuế	-114	-53.0	-214	-117	-203
LNST của CĐ cty mẹ	-114	-53.0	-214	-117	-203

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-165	0.33	-150	12.3	-13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.47	0.41	155	0.00	17.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	175	-18.2	-4.66	-14.6	-4.71
Tiền đầu kỳ	20.5	22.7	5.20	5.21	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	**2.18**	**-17.5**	**0.01**	**-2.27**	**-0.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.7	5.20	5.21	2.94	2.32

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic